



國立臺北教育大學華語文中心 報名表
NTUE Chinese Language Education Center
Registration Form



課程名稱 Program	華越雙語教室 Mandarin Vietnamese Bilingual Classroom		
報名學員基本資料 Thông tin cơ bản của thực tập sinh đã đăng ký			
中文姓名 Tên trung quốc	性別 giới tính	☐ 男 Nam giới ☐ 女 Giống cái	照片 tấm ảnh
英文姓名 tên tiếng Anh	(請與護照拼字相符)		
身分證字號/居留證號碼 Số ID			
國籍 Quốc tịch	出生年月日 Ngày sinh	民國 年 月 日	
出生地 Nơi sinh	飲食 chế độ ăn	☐ 葷 Thịt ☐ 素 Ăn chay ☐ 其他 khác : _____	
聯絡電話 Số liên lạc	地址 Địa chỉ		
就讀年級 Cấp	就讀學校 Trường học hiện tại		
家庭基本資料 Thông tin cơ bản về gia đình			
父親姓名 Tên của cha	父親國籍 Quốc tịch của cha		
母親姓名 Tên của mẹ	母親國籍 Quốc tịch của mẹ		
家長聯絡電話 Số liên lạc của phụ huynh	家庭使用語言 Ngôn ngữ gia đình		
家長電子郵件 Thư điện tử của bố mẹ			
緊急聯絡人資料 Thông tin liên lạc khẩn cấp			
緊急連絡人 Liên lạc khẩn cấp	關係 mối quan hệ		
緊急連絡人電話 Số liên lạc khẩn cấp	緊急連絡人電子郵件 Email liên hệ khẩn cấp		

學生語文程度自我評估 (家長或推薦單位可協助填寫) Tự đánh giá trình độ ngoại ngữ của học sinh (Phụ huynh hoặc đơn vị giới thiệu có thể hỗ trợ điền vào)											
來臺日期 Ngày đến Đài Loan		民國 年 月		華語文修習時間 Thời gian học tiếng trung		年 月					
華語能力評估 Đánh giá năng lực tiếng Trung											
學習拼音 Học bính âm		☐ 漢語/羅馬拼音 Hán Việt / La Mã bính âm ☐ 注音符號 ký hiệu phiên âm		學習字體 Phông chữ Trung Quốc		☐ 正體字 Truyền thống Trung Quốc ☐ 簡體字 Tiếng Trung giản thể					
1.聽 nghe		☐ 零起點 người bắt đầu		☐ 初級 sơ cấp-能聽懂基本短語或常用詞		☐ 中級 Trung gian-能聽懂簡短、簡單、緩慢的說明		☐ 高級 nâng cao-能聽懂對話內容的大意和重要細節			
2.說 Nói		☐ 零起點 người bắt đầu		☐ 初級 sơ cấp-能說出簡單的語詞和句子		☐ 中級 Trung gian-能以連貫的句子，簡單描述生活中的人、事、物		☐ 高級 nâng cao-能以精確的句子回覆他人話語			
3.讀 đọc hiểu		☐ 零起點 người bắt đầu		☐ 初級 sơ cấp-能閱讀基本生活詞彙及理解短語意義		☐ 中級 Trung gian-能理解以日常生活詞彙寫成的簡短文章		☐ 高級 nâng cao-能理解以口語方式寫成的主題式文章			
4.寫 viết		☐ 零起點 người bắt đầu		☐ 初級 sơ cấp-能書寫簡單短句		☐ 中級 Trung gian-能運用基本生活詞彙書寫短文		☐ 高級 nâng cao-能以正確的句子書寫主題式文章			
越南語能力評估 Đánh giá năng lực tiếng Việt											
Giáo dục tại việt nam											
1. nghe		☐ người bắt đầu		☐ Sơ cấp-có thể hiểu các cụm từ cơ bản hoặc các từ thông dụng		☐ Trình độ trung cấp có thể hiểu các hướng dẫn ngắn, đơn giản và chậm		☐ Nâng cao-có thể hiểu ý chính và các chi tiết quan trọng của cuộc đối thoại			
2. nói		☐ người bắt đầu		☐ Sơ cấp-có thể nói những từ và câu đơn giản		☐ Trình độ trung cấp có thể mô tả ngắn gọn con người, sự vật và sự việc trong cuộc sống bằng những câu mạch lạc		☐ Nâng cao khả năng trả lời lời nói của người khác bằng những câu chính xác			
3. đọc hiểu		☐ người bắt đầu		☐ Trình độ sơ cấp có thể đọc từ vựng cuộc sống cơ bản và hiểu ý nghĩa của các cụm từ		☐ Trung cấp có thể hiểu các văn bản ngắn được viết bằng từ vựng hàng ngày		☐ Nâng cao có thể hiểu các bài luận theo chủ đề được viết bằng tiếng Anh nói			
4. viết		☐ người bắt đầu		☐ Trình độ sơ cấp có thể viết các câu ngắn đơn giản		☐ Trình độ trung cấp có thể viết các bài luận ngắn sử dụng từ vựng cuộc sống cơ bản		☐ Nâng cao có thể viết các bài luận theo chủ đề với các câu chính xác			
管理者資訊 (以下欄位請由推薦單位填寫) thông tin giám sát (Vui lòng điền vào các trường sau theo đơn vị giới thiệu)											
機關單位				姓名				職稱			
與學生關係				聯繫電話				E-mail			
☐ 報名學員具備日常的國語聽說能力										簽名：_____	